

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2019

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Dương Thị Thu Hằng

2/ Bà Huỳnh Nhã Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết X, sinh năm 1983 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1984 (có đơn xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 04, khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S sống chung với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm, bất đồng quan điểm sống, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng vẫn không thay đổi nay chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Phước Đông, sinh ngày 25/7/2005, chị tôn trọng ý kiến cháu muốn sống với ba hay với mẹ chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 08/8/2019 bị đơn anh Huỳnh Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị X sống chung với nhau từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng nào cũng có những mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn của anh và chị X không đến nỗi phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Phước Đ, sinh ngày 25/7/2005, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh xin nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Huỳnh Thanh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh S đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý

...”.

Tại phiên tòa chị X có yêu cầu ly hôn với anh S nhưng do quan hệ hôn nhân giữa chị và anh không có giá trị pháp lý nên HĐXX không công nhận quan hệ giữa chị X và anh S là vợ chồng.

[4] Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Phước Đ, sinh ngày 25/7/2005 cho anh S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu Huỳnh Phước Đ cũng có nguyện vọng được ở với cha.

[5] Về cấp dưỡng: Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227

- Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tùy ý xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Tuyết X và anh Huỳnh Thanh S là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Phước Đ, sinh ngày 25/7/2005 cho anh S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cháu Huỳnh Phước Đ cũng có nguyện vọng được ở với cha.

3/ Về cấp dưỡng: Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của chị X và anh S.

4/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về nợ chung: Không có, không có yêu cầu giải quyết

5/ Về án phí Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Tuyết X phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004330 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

6/ Quyền kháng cáo: Chị X có mặt được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2019). Anh S vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THADS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Mai